

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Bà H Nuêr Niê

- Bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 2003 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N - sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Tôi và chồng tôi là anh Nguyễn Hữu N đăng ký kết hôn với nhau theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2023. Chúng tôi tự nguyện kết hôn

Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng ngọt ngào không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Hữu N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu T1 - sinh ngày 02/7/2023, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay tôi làm nghề nông, thu nhập hàng tháng khoảng từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đồng đến 6.000.000 đồng

Về tài sản chung: Chúng tôi thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Hữu N trình bày:***

Tôi đồng ý với lời trình bày của vợ tôi là chị Nguyễn Thị T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chúng tôi không có tiếng nói chung trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Nay vợ tôi làm đơn xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với vợ tôi.

Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu T1 - sinh ngày 02/7/2023, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng nuôi con chung

Hiện nay tôi làm nghề nông và đi làm thêm việc khác, thu nhập hàng tháng khoảng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chúng tôi thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên ý kiến của mình***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu N kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 23/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh N đã xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, cuộc sống không hòa hợp. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức

trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hữu T1 - sinh ngày 02/7/2023 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu N tự nguyện đăng kết hôn với nhau vào ngày 23/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu N đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống hôn nhân của chị T, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N và anh N đồng ý ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu N có 01 là cháu Nguyễn Hữu T1 - sinh ngày 02/7/2023. Quá trình giải quyết chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, anh N cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, xét nguyện vọng của chị T, anh Nghĩa L có căn cứ tuy nhiên hiện nay cháu T1 chưa được 36 tháng tuổi, do đó căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần và xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Hữu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Ông Nguyễn Hữu N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N

[2] Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hữu T1 - sinh ngày 02/7/2023 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Hữu N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004887 ngày 21/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- THA DS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Dự

